TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2023/DS - ST
Ngày 18- 8- 2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Đời
2. Bà Vũ Thị Lệ Thủy

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thái Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 59/2023/TLST - DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP S**- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 8, 266 – 268 đường N, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành N – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ theo các quyết định về việc ủy quyền số: 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 và giấy ủy quyền số 11-7 ngày 11/7/2023 của Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng. Địa chỉ: 130A – 130 – 132 đường B, phường H, Tp Đà Nẵng. Có mặt

2. *Bị đơn*: Ông **Giang Kiến H**– sinh năm: 1985, địa chỉ: 65/7/15 đường T, phường P, quận S, Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thành N trình bày:*

Vào ngày 11.01.2018, ông Giang Kiến H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ mức thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn tức là 3,75%/ tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện 31 giao dịch với tổng số tiền là: 485.561.623 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 451.061.414 đồng. Qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở, nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Sau thời gian sử dụng, ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 20 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 28/02/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông H và chuyển giao toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tại phiên tòa, Ngân hàng xác định đến ngày 18/8/2023 ông Giang Kiến H còn nợ số tiền 39.712.893 đồng. Trong đó nợ gốc là 22.913.025 đồng, nợ lãi trong hạn: 5.599.956 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.199.912 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Giang Kiến H phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc nói trên. Ông H phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 19/8/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

* Bị đơn ông Giang Kiến H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông Giang Kiến H đã trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ thụ lý cho đến phiên toà xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ về tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Giang Kiến H là có cơ sở, yêu cầu về cách tính lãi là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 280 Bộ luật dân sự; điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Nghị định 101/2021/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S: Buộc ông Giang Kiến H phải trả cho Ngân hàng TMCP S

số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/8/2023 ông Giang Kiến H còn nợ số tiền 39.712.893 đồng. Trong đó nợ gốc là 22.913.025 đồng, nợ lãi trong hạn: 5.599.956 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.199.912 đồng và buộc ông H phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 19/8/2023 theo thỏa thuận hai bên cho đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: *Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt* giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Giang Kiến H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Giang Kiến H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 11/01/2018 ông Giang Kiến H ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng theo đó hai bên cam kết đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cùng với mẫu đơn này tạo nên hợp đồng chi phối việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng thương mại cổ phần S đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Giang Kiến H với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng dưới hình thức hạn mức tín dụng để tiêu dùng cá nhân. Ngày 11/1/2018 ông H được Ngân hàng thông báo về mức lãi suất thẻ 2,5%/ tháng và lãi suất quá hạn 3,75%/ tháng, phí thường niên là 309.000 đồng, thời hạn sử dụng thẻ tử tháng 01/2018 đến tháng 01/2023. Ngày 11/01/2018 ông H ký nhận thẻ. Theo thỏa thuận, ông Giang Kiến H có trách nhiệm thanh toán nợ theo thông báo giao dịch hàng tháng mà Ngân hàng gửi cho ông H theo thứ tự ưu tiên thanh toán tại Điều 20 của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Sau khi được cấp thẻ, ông H đã thực hiện 31 giao dịch tổng số tiền là 485.561.623 đồng và các khoản lãi, phí phát sinh trên thẻ nhưng ông không thanh toán đúng hạn nên Ngân hàng đã tính lãi trên tổng dư nợ qua từng kỳ đến hạn. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 451.061.414 đồng theo thứ tự ưu tiên thanh toán tại Điều 20 của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Sau thời gian sử dụng ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù Ngân hàng đã thực hiện thông báo giao dịch hàng tháng và nhiều lần nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 28/02/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ theo điểm 1.9 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng bao gồm tiền nợ còn lại sau các lần giao dịch, tiền lãi, các loại phí tính đến ngày 24/3/2023 là 24.610.884 đồng sang nợ quá hạn theo đúng quy định tại điểm 23.4 Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng xác định đến ngày 18/8/2023 ông Giang Kiến H còn nợ số tiền 39.712.893

đồng. Trong đó nợ gốc là 22.913.025 đồng, nợ lãi trong hạn: 5.599.956 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.199.912 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Giang Kiến H phải trả toàn bộ khoản nợ trên và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 19/8/2023 cho đến khi ông Giang Kiến H trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với ông Giang Kiến H trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, sau khi sử dụng ông Giang Kiến H đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 28/02/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc là 22.913.025 đồng sang nợ quá hạn (lãi suất quá hạn tính theo điểm 1.24 của Điều 1 Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, áp dụng lãi suất nợ quá hạn trên toàn bộ dư nợ trên theo quy định của Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 18, Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng như đã ký kết. Việc khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án buộc ông Giang Kiến H phải trả số tiền còn nợ nói trên là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015, điểm b, khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2021/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt nên cần được chấp nhận.

[4] Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 25/3/2023, mức lãi suất nợ quá hạn được tính theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký ngày 11/01/2018 cho đến khi ông Giang Kiến H thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên bị đơn là ông Giang Kiến H phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền ông Giang Kiến H phải chịu là (39.712.893 đồng x 5%) = 1.985.644 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị định 101/2021/NĐ-CP ngày 22/11/2021 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*" của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Giang Kiến H.

Xử:

1. Buộc ông Giang Kiến H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày 18/8/2023 ông Giang Kiến H còn nợ số tiền 39.712.893 đồng. Trong đó nợ gốc là 22.913.025 đồng, nợ lãi trong hạn: 5.599.956 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.199.912 đồng.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 19/8/2023, mức lãi suất nợ quá hạn được tính theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký ngày 11/01/2018 cho đến khi ông Giang Kiến H thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 1.985.644 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng) ông Giang Kiến H phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 700.165 đồng theo biên lai thu số 0003677 ngày 20/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận S;
- Chi cục THA dân sự quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.